

Số: 118 /TTr-UBND

Hón Quản, ngày 14 tháng 7 năm 2022

TỜ TRÌNH

V/v thông qua kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công năm 2022.

Kính gửi: Hội đồng nhân dân huyện.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 06 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 6 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 17/12/2021 của HĐND huyện về việc thông qua kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 5922/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND huyện về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công huyện Hón Quản năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 490/QĐ-UBND ngày 6/4/2022 của UBND huyện về việc giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công huyện Hón Quản năm 2022,

Ủy ban Nhân dân huyện kính trình Hội đồng nhân dân huyện thông qua kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công năm 2022, cụ thể như sau:

I. Sự cần thiết điều chỉnh:

1. Tại kỳ họp thứ 3, Hội đồng nhân dân huyện khóa XII đã thông qua Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 17/12/2021 của HĐND huyện về việc thông qua kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2022 trong đó vốn tỉnh hỗ trợ 20 phòng học là 14 tỷ đồng. Tuy nhiên tại Quyết định số 3284/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh, theo đó vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ 40 phòng học là 28 tỷ đồng; vốn Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng Nông thôn mới năm 2022 là 48,340 tỷ đồng nên cần thiết đưa vào điều chỉnh bổ sung để triển khai thực hiện.

2. Do nguồn tăng thu, kết dư năm 2021 tăng 88,797 tỷ đồng nên phải điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2022.



3. Do UBND tỉnh điều chỉnh tăng thu tiền sử dụng đất so với dự toán tại Quyết định số 3284/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 là 40,5 tỷ đồng nên phải điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2022.

II. Kế hoạch điều chỉnh vốn năm 2022:

Tổng kế hoạch vốn điều chỉnh năm 2022 là 350,707 tỷ đồng (*kèm theo biểu tổng hợp*), tăng 191,637 tỷ đồng so với Kế hoạch vốn Hội đồng nhân dân huyện thông qua tại Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 17/12/2021, cụ thể:

1. Điều chỉnh tăng nguồn vốn ngân sách huyện 129,297 tỷ đồng so với Kế hoạch vốn Hội đồng nhân dân huyện thông qua tại Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 17/12/2021, cụ thể:

Nguồn tăng thu, kết dư năm 2021 tăng 88,797 tỷ đồng so với Kế hoạch vốn Hội đồng nhân dân huyện thông qua tại Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 17/12/2021.

Nguồn thu tiền sử dụng đất tăng 40,5 tỷ đồng so với Kế hoạch vốn Hội đồng nhân dân huyện thông qua tại Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 17/12/2021.

2. Điều chỉnh tăng nguồn vốn ngân sách tỉnh 62,340 tỷ đồng so với Kế hoạch vốn Hội đồng nhân dân huyện thông qua tại Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 17/12/2021, cụ thể:

Vốn chương trình MTQG XD NTM tăng 48,340 tỷ đồng so với Kế hoạch vốn Hội đồng nhân dân huyện thông qua tại Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 17/12/2021.

Vốn tỉnh hỗ trợ 40 phòng học tăng 14 tỷ đồng so với Kế hoạch vốn Hội đồng nhân dân huyện thông qua tại Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 17/12/2021.

III. Phương án phân bổ:

1. Vốn ngân sách huyện: 274 tỷ 367 triệu đồng, bao gồm:

a)	Vốn XDCB tập trung	185 tỷ 570 triệu đồng
	Trong đó:	
	Vốn cân đối theo phân cấp:	25 tỷ 830 triệu đồng.
	Phân bổ cho các dự án chuyển tiếp:	13 tỷ 170 triệu đồng
	Phân bổ cho các dự án khởi công mới	11 tỷ 400 triệu đồng
	Vốn chuẩn bị đầu tư năm 2023	1 tỷ 260 triệu đồng
	Vốn thu sử dụng đất:	159 tỷ 740 triệu đồng
	Phân bổ cho các dự án chuyển tiếp	35 tỷ 312 triệu đồng
	Phân bổ cho các dự án khởi công mới	90 tỷ 968 triệu đồng
	Dự phòng	33 tỷ 460 triệu đồng
b)	Vốn tăng thu + kết dư năm 2021:	88 tỷ 797 triệu đồng

	Phân bổ cho các công trình chuyển tiếp:	5 tỷ 350 triệu đồng
	Phân bổ cho các công trình khởi công mới:	14 tỷ 100 triệu đồng
	Phân bổ cho các công trình khởi công mới phân cấp xã:	55 tỷ 635 triệu đồng
	Dự phòng	13 tỷ 712 triệu đồng

(Kèm biểu số 01)

2. Vốn ngân sách tỉnh:

76 tỷ 340 triệu đồng.

a)	Vốn Chương trình MTQG:	48 tỷ 340 triệu đồng
	Trong đó:	
	Vốn chương trình MTQG XD NTM ngân sách tỉnh:	15 tỷ đồng.
	Vốn chương trình MTQG XD NTM nâng cao ngân sách tỉnh	9 tỷ đồng.
	Vốn xây dựng đường GTNT	24 tỷ 340 triệu đồng.
b)	Vốn tỉnh hỗ trợ 40 phòng học	28 tỷ đồng.
	Phân bổ cho các dự án khởi công mới:	28 tỷ đồng.

(Kèm biểu số 02)

Gửi kèm các biểu tổng hợp và dự thảo Nghị quyết.

Ủy ban Nhân dân huyện kính trình Hội đồng nhân dân huyện xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- TT.HU, TT.HĐND huyện (b/c);
- CT, các PCT UBND huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Phòng: TC-KH;
- LĐVP, CV:NC,HĐ;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phan Thị Kim Oanh



BIỂU TỔNG HỢP KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022



DVT: triệu đồng.

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn đã giao năm 2022 (NQ 54 ngày 17/12/2021)	Kế hoạch vốn điều chỉnh năm 2022	Tăng/ giảm	Ghi chú
	TỔNG SỐ	159.070	350.707	191.637	
A	Vốn ngân sách huyện	145.070	274.367	129.297	BIỂU SỐ 01
I	Kế hoạch vốn xây dựng cơ bản tỉnh phân cấp	145.070	185.570	40.500	
1	Nguồn vốn tỉnh phân cấp theo định mức	25.830	25.830	0	
2	Nguồn thu tiền sử dụng đất	119.240	159.740	40.500	
II	Nguồn tăng thu + Kết dư năm 2021	0	88.797	88.797	
B	Vốn ngân sách tỉnh	14.000	76.340	62.340	BIỂU SỐ 02
I	Nguồn vốn chương trình Mục tiêu quốc gia	0	48.340	48.340	
1	Vốn chương trình MTQG XD NTM nguồn ngân sách tỉnh	0	15.000	15.000	
2	Vốn chương trình MTQG XD NTM nâng cao nguồn ngân sách tỉnh	0	9.000	9.000	
3	Vốn xây dựng đường GTNT	0	24.340	24.340	
II	Vốn tỉnh hỗ trợ 20 phòng học	14.000	28.000	14.000	

BIỂU SỐ 1
KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022
Nguồn ngân sách huyện

Đơn: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án		Kế hoạch vốn đã bố trí	Kế hoạch vốn 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2022 (NQ 54 ngày 17/12/2021)					Kế hoạch điều chỉnh vốn năm 2022					Tăng/giảm	Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số QĐ, ngày, tháng, năm	TMDT			Tổng số	Kế hoạch vốn XDCB tập trung	Trong đó		Nguồn tăng thu tiền sử dụng đất của huyện năm 2022	Tổng số	Kế hoạch vốn XDCB tập trung	Trong đó		Vốn tăng thu + kết dư năm 2021			
								Vốn cân đối theo phân cấp	Vốn sử dụng đất				Vốn cân đối theo phân cấp	Vốn sử dụng đất				
	Tổng cộng		417.550	54.240	295.440	145.070	112.070	25.830	86.240	33.000	274.367	185.570	25.830	159.740	88.797	129.297		
A	Dự án chuyển tiếp		167.750	54.240	147.640	33.070	29.910	13.470	16.440	3.160	53.832	48.482	13.170	35.312	5.350	20.762		
I	Hạ tầng - Giao thông		54.050	31.800	46.700	6.000	6.000	2.100	3.900	-	14.900	14.900	2.100	12.800	-	8.900		
1	Xây dựng đường Bắc Nam 5, đoạn từ trục chính Đông Tây đến Đông Tây 7, khu TTHC huyện	2204/QĐ-UBND 31/12/2020	8.500	5.700	7.600	1.900	1.900	-	1.900		1.900	1.900	-	1.900		-	Ban QLDA	
2	Xây dựng các tuyến đường D1, D3, N1, N2 và san nền khu 1,2 ấp 2 Đồng Nơ	1459/QĐ-UBND 22/6/2021	12.000	7.000	9.000	2.000	2.000		2.000		2.000	2.000		2.000		-	Ban QLDA	
3	Láng nhựa đường Sóc Rượu xã Tân Quan	3338/QĐ-UBND 12/7/2021	7.600	5.500	7.600	2.100	2.100	2.100			2.100	2.100	2.100			-	Ban QLDA	
4	Láng nhựa đường từ ấp 1 đi ngã ba ấp 3, xã Minh Tâm	2215/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	6.000	4.200	5.300	-	-				1.100	1.100		1.100		1.100	UBND xã Minh Tâm	
5	Láng nhựa đường từ ấp 3 xã Minh Tâm đi phường Hưng Chiến, TX Bình Long	2214/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	6.300	4.200	5.300	-	-				1.100	1.100		1.100		1.100	UBND xã Minh Tâm	
6	Láng nhựa đường từ ngã ba Sóc Vàng đi cầu Thanh niên ấp 4, xã Minh Tâm	2155/QĐ-UBND ngày 30/12/2020	6.000	4.200	5.300	-	-				1.100	1.100		1.100		1.100	UBND xã Minh Tâm	
7	Xây dựng đường nhựa từ ấp Bình Phú đi Sóc Rul, xã An Phú	3313/QĐ-UBND ngày 9/7/2021	7.650	1.000	6.600	-	-				5.600	5.600		5.600		5.600	UBND xã An Phú	
II	Giáo dục		106.900	17.440	95.940	24.800	21.640	9.100	12.540	3.160	29.150	24.800	9.100	15.700	4.350	4.350		
1	Xây dựng trường THCS Tân Khai	5901/QĐ-UBND 31/12/2021	70.000	3.000	70.000	17.700	14.540	2.000	12.540	3.160	17.700	17.700	2.000	15.700		-	Ban QLDA	
2	Xây dựng 04 phòng học + tường rào + sân chơi trường MN Tân Lợi	3335/QĐ-UBND 12/7/2021	4.500	1.940	2.940	1.000	1.000	1.000			1.000	1.000	1.000			-	Ban QLDA	
3	Xây dựng 12 phòng học Trường THCS Tân Hưng	3333/QĐ-UBND 12/7/2021	13.500	4.300	8.000	3.700	3.700	3.700			3.700	3.700	3.700			-	Ban QLDA	
4	Xây dựng 08 phòng học và nâng cấp sân bê tông trường THCS Đồng Nơ	3332/QĐ-UBND 12/7/2021	7.100	3.200	5.600	2.400	2.400	2.400			2.400	2.400	2.400			-	Ban QLDA	
5	Xây dựng 06 phòng chức năng trường TH&THCS An Phú	3330/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	5.000	1.100	4.500	-	-				3.000	-			3.000	3.000	Ban QLDA	
6	Xây dựng 04 phòng học Trường MN Tân Hiệp	3334/QĐ-UBND ngày 12/7/2021	3.600	1.800	2.800	-	-				1.000	-			1.000	1.000	Ban QLDA	
7	Xây dựng 04 phòng học Trường TH&THCS Thanh Bình	3336/QĐ-UBND ngày 12/7/2021	3.200	2.100	2.100	-	-				350	-			350	350	Ban QLDA	
III	QLNN		6.800	5.000	5.000	-	-	-	-	-	1.000	-	-	-	1.000	1.000		

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án		Kế hoạch vốn đã bố trí	Kế hoạch vốn 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2022 (NQ 54 ngày 17/12/2021)					Kế hoạch điều chỉnh vốn năm 2022					Tăng/giảm	Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số QĐ, ngày, tháng, năm	TMBT			Tổng số	Kế hoạch vốn XDCB tập trung	Trong đó		Nguồn tăng thu tiền sử dụng đất của huyện năm 2022	Tổng số	Kế hoạch vốn XDCB tập trung	Trong đó		Vốn tăng thu + kết dư năm 2021			
								Vốn cân đối theo phân cấp	Vốn sử dụng đất				Vốn cân đối theo phân cấp	Vốn sử dụng đất				
1	Xây dựng mở rộng Trụ sở bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (bộ phận một cửa)	3342/QĐ-UBND ngày 12/7/2021	6.800	5.000	5.000	-	-				1.000	-			1.000	1.000	Ban QLDA	
IV	Vốn tất toán các công trình đã quyết toán					2.270	2.270	2.270			8.782	8.782	1.970	6.812		6.512		giao UBND huyện tham mưu phân bổ chi tiết
B	Dự án khởi công mới năm 2022		249.800	-	135.800	101.200	81.200	11.400	69.800	20.000	116.468	102.368	11.400	90.968	14.100	15.268		
I	Giáo dục		54.700	-	29.400	17.500	17.500	-	17.500	-	5.300	5.300	-	5.300	-	(12.200)		
1	Xây dựng 12 phòng học trường TH&THCS Minh Đức	5917/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	13.500		11.000	5.700	5.700		5.700		-	-		-		(5.700)	Ban QLDA	
2	Xây dựng Trường Mầm non Minh Đức	5916/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	22.000		5.000	5.000	5.000		5.000		3.500	3.500		3.500		(1.500)	Ban QLDA	
3	Xây dựng 06 phòng hiệu bộ + 02 phòng phục vụ học tập Trường MN Thanh Bình	5752/QĐ-UBND ngày 24/12/2021	5.700		4.900	4.000	4.000		4.000		-	-		-		(4.000)	Ban QLDA	
4	Xây dựng 12 phòng học Trường TH Trà Thanh	5877/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	13.500		8.500	2.800	2.800		2.800		-	-		-		(2.800)	Ban QLDA	
5	Xây dựng bếp ăn, hàng rào, sân bê tông và làm mái che Trường MN Minh Tâm					-	-		-		1.800	1.800		1.800		1.800	Ban QLDA	
II	Giao thông - HTKT		90.100	-	16.000	16.000	16.000	-	16.000	-	36.500	26.000	-	26.000	10.500	20.500		
1	Xây dựng đường Đồng Tây 9	4497/QĐ-UBND ngày 22/9/2021	18.000		16.000	16.000	16.000		16.000		16.000	16.000		16.000		-	Ban QLDA	
2	Mở rộng để định hình lộ giới 52m cho công trình đường trục chính từ xã Tân Khai đi Phước An và Tân Quan, huyện Hớn Quản.		50.000		-	-	-		-		10.000	10.000		10.000	0	10.000	Ban QLDA	
4	Cải tạo, nâng cấp nghĩa trang nhân dân KP Tàu Ô thành Nghĩa trang TT Tân Khai (giai đoạn 1)		5.600								2.500	-			2.500	2.500	UBND TT Tân Khai	
5	Láng nhựa đường KP 1, KP 2 đoạn từ Ngã tư Quốc tế TT Tân Khai		16.500								8.000	-			8.000	8.000	UBND TT Tân Khai	
III	Lĩnh vực Quốc phòng		4.400	-	-	-	-	-	-	-	3.600	-	-	-	3.600	3.600		
1	Xây dựng nhà ở DQTT huyện, nhà xe, nhà trực ban nội vụ và tiếp cộng dân		4.400								3.600				3.600	3.600	Ban CHQS	
IV	Chi đầu tư xây dựng nông thôn mới từ nguồn vốn sử dụng đất		100.600	-	90.400	67.700	47.700	11.400	36.300	20.000	71.068	71.068	11.400	59.668	-	3.368		
IV.1	Lĩnh vực giao thông		96.100	-	85.900	63.200	43.200	6.900	36.300	20.000	66.568	66.568	6.900	59.668	-	3.368		
1	Đường nhựa từ ấp 2 xã (đốc Hương Cường) đi Chà Lon - Đồng Nơ	4801/QĐ-UBND ngày 12/10/2021	10.600		9.500	2.300	2.300		2.300		2.300	2.300		2.300		-	UBND xã Minh Đức	
2	Làm mới đường nhựa đường huyện Minh Đức - Đồng Nơ (đoạn từ dốc vào trại heo Hóa Phước), dài 1,5km	4802/QĐ-UBND ngày 12/10/2021	6.400		5.700	1.200	1.200		1.200		1.200	1.200		1.200		-	UBND xã Minh Đức	
3	Nâng cấp đoạn đường DH. Minh Đức - Đồng Nơ đoạn từ ngã 3 Bưu Điện đến dốc Hương Cường, dài 1,8km	4803/QĐ-UBND ngày 12/10/2021	11.000		10.000	6.600	6.600		6.600		6.600	6.600		6.600		-	Ban QLDA	

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án		Kế hoạch vốn đã bố trí	Kế hoạch vốn 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2022 (NQ 54 ngày 17/12/2021)				Kế hoạch điều chỉnh vốn năm 2022					Tăng/giảm	Chủ đầu tư	Ghi chú	
		Số QĐ, ngày, tháng, năm	TMĐT			Tổng số	Kế hoạch vốn XD CB tập trung	Trong đó		Nguồn tăng thu tiền sử dụng đất của huyện năm 2022	Tổng số	Kế hoạch vốn XD CB tập trung	Trong đó					Vốn tăng thu + kết dư năm 2021
								Vốn cân đối theo phân cấp	Vốn sử dụng đất				Vốn cân đối theo phân cấp	Vốn sử dụng đất				
4	Đường nhựa từ ngã 4 ĐH. Minh Đức – Đồng Nơ đi ngã 3 Sốc Ruộng – Sốc Lóc Khế, dài 1,3km	4800/QĐ-UBND ngày 12/10/2021	5.600		5.000	1.400	1.400		1.400		1.400	1.400		1.400	-	UBND xã Minh Đức		
5	Xây dựng đường tổ 11,12 khu vườn ươm áp Sốc Quả, xã Tân Hưng, huyện Hớn Quản	4798/QĐ-UBND ngày 12/10/2021	8.000		7.200	7.200	7.200		7.200		7.200	7.200		7.200	-	UBND xã Tân Hưng		
6	Xây dựng đường An Quý - Xa Cỏ, xã Thanh An	4799/QĐ-UBND ngày 12/10/2021	10.000		9.000	5.000	5.000		5.000		5.000	5.000		5.000	-	UBND xã Thanh An		
7	Xây kẻ mương tuyến đường nhựa ĐT 756 nối ĐT 758 ấp Hưng Yên	5871/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	2.400		2.200	2.200	2.200		2.200		2.200	2.200		2.200	-	UBND xã Tân Hưng		
8	Xây dựng các tuyến đường D2, N3, N4 KDC ấp 2 xã Đồng Nơ	4496/QĐ-UBND 22/9/2021	7.600		6.900	6.900	6.900	6.900		6.900	6.900	6.900			-	Ban QLDA		
9	Đầu tư hệ thống đèn tín hiệu giao thông TTHC huyện		5.800							5.000	5.000		5.000		5.000	P. KTHT		
10	Nâng cấp, sửa chữa đường từ QL13 vào xã Phước An		23.000		20.000	20.000	-		20.000	20.000	20.000		20.000		-	Ban QLDA		
11	Xây dựng đường Trường An – Sốc Dây, xã Phước An, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.		5.700			-	-	-	-	4.500	4.500		4.500	0	4.500	UBND xã Phước An		
12	XD các tuyến đường BTXM				10.400	10.400	10.400		10.400		4.268	4.268		4.268	(6.132)	Giao UBND huyện phân bổ chi tiết	Vốn phân cấp	
IV.2	Lĩnh vực văn hóa		3.000	-	3.000	3.000	3.000	3.000	-	-	3.000	3.000	3.000	-	-	-		
1	Xây dựng, sửa chữa nhà văn hóa trên địa bàn xã Minh Đức		3.000		3.000	3.000	3.000	3.000			3.000	3.000	3.000	-		UBND xã Minh Đức	UBND huyện sẽ phân bổ cụ thể trên cơ sở đề xuất của UBND xã Minh Đức	
IV.3	Lĩnh vực QLNN		1.500	-	1.500	1.500	1.500	1.500	-	-	1.500	1.500	1.500	-	-	-		
1	Cải tạo, sửa chữa trụ sở, hội trường UBND xã Minh Đức và mua sắm trang thiết bị	4825/QĐ-UBND ngày 14/10/2021	1.500		1.500	1.500	1.500	1.500			1.500	1.500	1.500	0		-	UBND xã Minh Đức	
C	Vốn chuẩn bị đầu tư năm 2023				960	960	960	960	-		1.260	1.260	1.260	-		300	Giao UBND huyện phân bổ chi tiết	
D	Các công trình khởi công mới phân cấp xã					-					55.635	-		-	55.635	55.635	Giao UBND huyện phân bổ chi tiết	
E	Dự phòng				11.040	9.840	-		-	9.840	47.172	33.460		33.460	13.712	37.332		



BIỂU SỐ 02
KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022
Nguồn vốn ngân sách tỉnh

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2022 (NQ 54 ngày 17/12/2021)		Kế hoạch điều chỉnh vốn năm 2022					Tăng/giảm	Ghi chú
					Tổng số	Vốn tính hỗ trợ 20 phòng học	Tổng số	Vốn CTMT XD NTM (NS tỉnh)	Vốn NTM nâng cao (NS tỉnh)	Vốn tính hỗ trợ 20 phòng học	Vốn XD đường GTNT		
	Tổng cộng				14.000	14.000	76.340	15.000	9.000	28.000	24.340	62.340	
A	VỐN TÌNH HỖ TRỢ 20 PHÒNG HỌC				14.000	14.000	28.000	-	-	28.000	-	14.000	
I	Dự án khởi công mới				14.000	14.000	28.000	-	-	28.000	-	14.000	
*	Lĩnh vực giáo dục				14.000	14.000	28.000	-	-	28.000	-	14.000	
1	Xây dựng 06 phòng hiệu bộ + 02 phòng phục vụ học tập Trường MN Thanh Bình	xã Thanh Bình	KBNN Hớn Quản	Ban QLDA	900	900	4.900			4.900		4.000	
2	Xây dựng 12 phòng học Trường TH Trà Thanh	xã Thanh An	KBNN Hớn Quản	Ban QLDA	5.700	5.700	8.500			8.500		2.800	
3	Xây dựng 04 phòng học Trường Mầm non Tân Lợi	xã Tân Lợi	KBNN Hớn Quản	Ban QLDA	3.000	3.000	3.000			3.000		0	
4	Xây dựng 02 phòng phục vụ học tập Trường MN Tân Hiệp	xã Tân Hiệp	KBNN Hớn Quản	Ban QLDA	1.400	1.400	1.400			1.400		0	
5	Xây dựng 05 phòng hiệu bộ Trường THCS Tân Hưng	xã Tân Hưng	KBNN Hớn Quản	Ban QLDA	3.000	3.000	3.000			3.000		0	
6	Xây dựng 12 phòng học trường TH&THCS Minh Đức				-		5.700			5.700		5.700	
7	Xây dựng Trường Mầm non Minh Đức				-		1.500			1.500		1.500	
B	NGUỒN VỐN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI				-	-	15.000	15.000	-	-	-	15.000	
I	Công trình khởi công mới không thực hiện theo cơ chế đặc thù				-	-	15.000	15.000	-	-	-	15.000	
*	UBND xã Minh Đức				-	-	15.000	15.000	-	-	-	15.000	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2022 (NQ 54 ngày 17/12/2021)		Kế hoạch điều chỉnh vốn năm 2022					Tăng/giảm	Ghi chú
					Tổng số	Vốn tính hỗ trợ 20 phòng học	Tổng số	Vốn CTMT XD NTM (NS tỉnh)	Vốn NTM nâng cao (NS tỉnh)	Vốn tính hỗ trợ 20 phòng học	Vốn XD đường GTNT		
1	Đường nhựa từ ấp 2 xã (đốc Hương Cường) đi Chà Lon - Đồng Nơ	xã Minh Đức	KBNN Hớn Quản	UBND xã Minh Đức	-		7.200	7.200				7.200	
2	Làm mới đường nhựa đường huyện Minh Đức – Đồng Nơ (đoạn từ đốc vào trại heo Hòa Phước), dài 1,5km	xã Minh Đức	KBNN Hớn Quản	UBND xã Minh Đức	-		4.500	4.500				4.500	
3	Đường nhựa từ ngã 4 ĐH. Minh Đức – Đồng Nơ đi ngã 3 Sóc Ruộng – Sóc Lộc Khê, dài 1,3km	xã Minh Đức	KBNN Hớn Quản	UBND xã Minh Đức	-		3.300	3.300				3.300	
C	NGUỒN VỐN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO				-	-	9.000	-	9.000	-		9.000	
I	Công trình khởi công mới không thực hiện theo cơ chế đặc thù				-	-	9.000	-	9.000	-	-	9.000	
I.1	Công trình khởi công mới không thực hiện theo cơ chế đặc thù				-	-	4.800	-	4.800	-	-	4.800	
	XD đường nhựa từ trung tâm xã đi ấp 4 (dài 1400m)	xã Đồng Nơ	KBNN Hớn Quản	UBND xã Đồng Nơ	-		4.800		4.800			4.800	
I.2	Công trình khởi công mới không thực hiện theo cơ chế đặc thù phân cấp xã quản lý				-	-	4.200	-	4.200	-		4.200	Giao UBND huyện phân bổ chi tiết
D	NGUỒN VỐN XD ĐƯỜNG GTNT				-		24.340				24.340	24.340	Giao UBND huyện phân bổ chi tiết





Hón Quản, ngày tháng năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công
nguồn ngân sách địa phương năm 2022**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN HÓN QUẢN
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ 4**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quy định một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày / /2022 của HĐND huyện về việc Thông qua điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 17/12/2021 của Hội đồng nhân dân huyện về việc Thông qua Kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2022;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2021 của UBND huyện; Báo cáo thẩm tra số /BC-KTXH ngày / /2021 của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2022 với các nội dung như sau:

I. Tổng kế hoạch vốn điều chỉnh năm 2022 là 350,707 tỷ đồng, tăng 165,177 tỷ đồng so với Kế hoạch vốn đã được Hội đồng nhân dân huyện thông qua tại Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 17/12/2021:

1. Điều chỉnh tăng nguồn vốn ngân sách huyện 129,297 tỷ đồng, trong đó:

- Nguồn tăng thu, kết dư năm 2021 tăng 88,797 tỷ đồng.



- Nguồn thu tiền sử dụng đất tăng 40,5 tỷ đồng.

2. Điều chỉnh tăng nguồn vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ và phân bổ thực hiện Chương trình MTQG XD NTM, làm đường GTNT và xây dựng các phòng học là 62,340 tỷ đồng, bao gồm:

- Vốn Chương trình MTQG XD NTM tăng 24 tỷ đồng.
- Vốn hỗ trợ làm đường GTNT tăng 24,340 tỷ đồng.
- Vốn hỗ trợ xây dựng 40 phòng học tăng 14 tỷ đồng.

II. Phương án phân bổ: 350 tỷ 707 triệu đồng.

1. Vốn ngân sách huyện: 274 tỷ 367 triệu đồng.

Bao gồm:

a) Vốn XDCB tập trung 185 tỷ 570 triệu đồng.

Trong đó:

Vốn cân đối theo phân cấp: 25 tỷ 830 triệu đồng.

- + Phân bổ cho các dự án chuyển tiếp: 13 tỷ 170 triệu đồng
- + Phân bổ cho các dự án khởi công mới 11 tỷ 400 triệu đồng
- + Vốn chuẩn bị đầu tư năm 2023 1 tỷ 260 triệu đồng

Vốn thu sử dụng đất: 159 tỷ 740 triệu đồng

- + Phân bổ cho các dự án chuyển tiếp 35 tỷ 312 triệu đồng
- + Phân bổ cho các dự án khởi công mới 90 tỷ 968 triệu đồng
- + Dự phòng 33 tỷ 460 triệu đồng

b) Vốn tăng thu + kết dư năm 2021: 88 tỷ 797 triệu đồng

- + Phân bổ cho các công trình chuyển tiếp: 5 tỷ 350 triệu đồng
- + Phân bổ cho các công trình khởi công mới: 14 tỷ 100 triệu đồng
- + Phân bổ cho các công trình khởi công mới phân cấp xã: 55 tỷ 635 triệu đồng
- + Dự phòng 13 tỷ 712 triệu đồng

(Kèm biểu số 01)

2. Vốn ngân sách tỉnh: 76 tỷ 340 triệu đồng.

a) Vốn Chương trình MTQG: 48 tỷ 340 triệu đồng

Trong đó:

- Vốn chương trình MTQG XD NTM ngân sách tỉnh: 15 tỷ đồng.
- Vốn chương trình MTQG XD NTM nâng cao ngân sách tỉnh: 9 tỷ đồng.
- Vốn xây dựng đường GTNT: 24 tỷ 340 triệu đồng.

b) Vốn tỉnh hỗ trợ 40 phòng học 28 tỷ đồng.

- Phân bổ cho các dự án khởi công mới: 28 tỷ đồng.

(Kèm biểu số 02)

Điều 2.

1. Giao Ủy ban nhân dân huyện tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các Ban của Hội đồng nhân dân huyện, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân huyện và các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vấn đề phát sinh giao UBND huyện báo cáo Thường trực HĐND huyện để xem xét, điều chỉnh và báo cáo HĐND huyện tại kỳ họp gần nhất.

3. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 17/12/2021 của Hội đồng nhân dân huyện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Hớn Quản khóa XII, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày tháng năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Sở KH và Đầu tư;
- Thường trực Huyện ủy;
- TT HĐND huyện, UBND huyện, UBMTTQVN huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các phòng, ban chuyên môn;
- TT HĐND, TT UBND các xã, thị trấn;
- LĐVP, CV(Tuyên);
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

